

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HIỂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2020/HNGĐ - ST
Ngày 24 - 12 - 2020
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Hoàng Tỷ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Trung.

Ông Tăng Thiện Tính.

- Thư ký phiên toà: Ông Huỳnh Văn Lợi là Thư ký Toà án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Ngày 24 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 252/2020/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị B, sinh năm 1988; cư trú tại: Khóm M, thị trấn R, huyện N, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn D, sinh năm 1989; cư trú tại: Khóm M, thị trấn R, huyện N, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 02 tháng 11 năm 2020 nguyên đơn chị Trần Thị B trình bày: Chị và anh Trần Văn D kết hôn với nhau năm 2012, trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân thị trấn R, huyện N,

tỉnh Cà Mau. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc tuy nhiên thời gian gần đây vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng quan điểm, trong cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung, không quan tâm thương yêu lẫn nhau. Hiện nay chị và anh D đã sống ly thân với nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn D. Về con chung: Chị và anh Trần Văn D có 01 người con chung tên Trần Hoàng K, sinh ngày 11/9/2012. Hiện Trần Hoàng K đang sống cùng chị, sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ thu, nợ trả: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin vắng mặt ngày 15/11/2020 anh Trần Văn D trình bày: Anh và chị Trần Thị B kết hôn với nhau năm 2012 có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân thị trấn R, huyện N. Trong cuộc sống vợ chồng thời gian gần đây phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường hay cự cãi, không có tiếng nói chung trong cuộc sống vợ chồng. Nguyên nhân mâu thuẫn đã được hàn gắn tuy nhiên không mang lại kết quả. Nay anh xét thấy hôn nhân không còn hạnh phúc nên anh đồng ý ly hôn với chị Trần Thị B. Về con chung: Anh và chị Trần Thị B có 01 người con chung tên Trần Hoàng K, sinh ngày 11/9/2012, hiện nay đang sống cùng chị B. Sau khi ly hôn anh thống nhất tiếp tục giao con lại cho chị B nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ thu, nợ trả: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh xác định hiện nay vì điều kiện công việc nên anh đề nghị Tòa án được vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh vẫn bảo lưu ý kiến đã trình bày và không khiếu nại về việc vắng mặt của mình.

Ngày 15 tháng 11 năm 2020 chị Trần Thị B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, chị vẫn bảo lưu ý kiến đã trình bày và không khiếu nại về việc vắng mặt của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn chị Trần Thị B và bị đơn anh Trần Văn D Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết là đúng theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Chị Trần Thị B và anh Trần Văn D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Trần Thị B và anh Trần Văn D tại phiên tòa.

[3] Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị B và anh Trần Văn D được xác lập trên tinh thần tự nguyện, có đăng lý kết hôn theo quy định. Do đó hôn nhân giữa chị Trần Thị B và anh Trần Văn D được xác định là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, vợ chồng không có sự quan tâm, thương yêu chăm sóc lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng mặc dù đã được hàn gắn tuy nhiên vẫn không mang lại kết quả, hiện nay anh chị đã sống ly thân nhiều năm nay. Xét thấy, trong cuộc sống vợ chồng giữa chị B và anh D thực tế phát sinh nhiều mâu thuẫn. Hôn nhân của chị B và anh D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, mặt khác anh D đồng ý ly hôn cùng chị B do đó chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị B đối với anh Trần Văn D.

[4] Về con chung: Chị Trần Thị B và anh Trần Văn D có 01 người con chung tên: Trần Hoàng K, sinh ngày 11/9/2012, hiện nay đang sống cùng chị B. Sau khi ly hôn chị B yêu cầu được nuôi con, anh Trần Văn D thống nhất tiếp tục giao con lại cho chị B nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con. Do đó, tiếp tục giao cháu Trần Hoàng K cho chị B nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Anh Trần Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom, chăm sóc con theo luật định.

[5] Về tài sản chung; nợ thu; nợ trả: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì chị Trần Thị B phải nộp 300.000 đồng. Chị B đã dự nộp 300.000 đồng được chuyển thu.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Trần Thị B, anh Trần Văn D tại phiên tòa. Áp dụng khoản 1 Điều 51; Điều 81; Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm

2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị B đối với anh Trần Văn D.

Giao cháu Trần Hoàng K, sinh ngày 11/9/2012 hiện nay đang sống cùng chị B cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Trần Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Trần Văn D không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc và giáo dục con không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây ảnh hưởng đến việc nuôi con của chị Trần Thị B.

Tài sản chung; nợ thu; nợ trả: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Trần Thị B phải nộp 300.000 đồng. Chị Trần Thị B đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006387 ngày 02/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N được chuyển thu.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện N;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện ;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- UBND TT R, huyện N;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hoàng Tỷ

